

Tuần 05, 06/02/2026

Căng thẳng thanh khoản, VNINDEX quay lại vùng giao dịch cũ

Tiêu điểm:

- ADP cho thấy tốc độ tạo việc làm trong nền kinh tế Mỹ đang chững lại đáng kể. Số kế hoạch sa thải nhân sự tại Mỹ đã đạt mức cao nhất trong tháng 1 kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu
- Thông tư 08: Tạo thêm thuận lợi, 'hút' vốn ngoại trên thị trường chứng khoán. Thông tư số 08 cũng sửa đổi, bổ sung quy định về giao dịch không yêu cầu có tiền trước (NPF) đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.
- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm, sau khi tăng vọt lên 17%, đã nhanh chóng hạ nhiệt về quanh 10% ở phiên 4-2

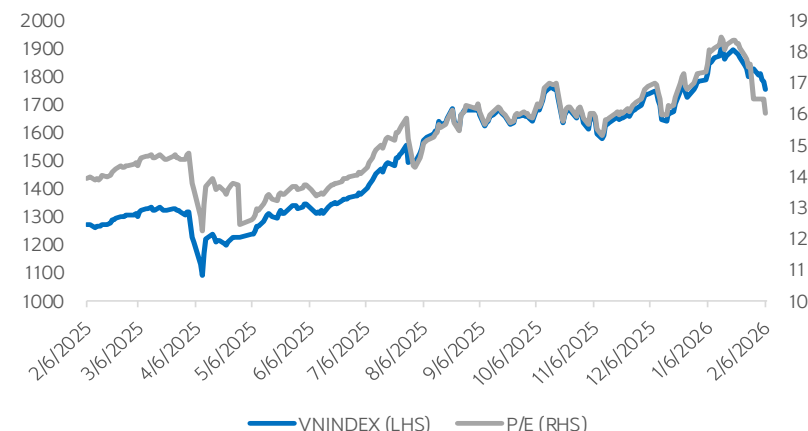
Đánh giá: Thị trường gặp áp lực giảm mạnh dẫn đầu bởi nhóm Vin và nhanh chóng lan tỏa qua các nhóm ngành khác. Lãi suất liên ngân hàng lần đầu tăng mạnh lên mức 2 chữ số kể từ cuộc khủng hoảng 2008 là một trong những nguyên nhân chính khiến tâm lý thị trường suy yếu. Chúng tôi cho rằng đây chỉ là yếu tố thời vụ khi: dịp tết nguyên đán cận kề khiến nhu cầu tiền mặt tăng, mất cân đối giữa cho vay và huy động, tác động từ khung thuế mới đối với hộ kinh doanh (từ 2026), cơn sốt kim loại vàng bạc khiến người dân xếp hàng mua tại nhiều cửa hàng. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất trong dài hạn sẽ tăng là khó tránh khỏi.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,755.49 điểm (-73.55 điểm; -4.02%) với thanh khoản cải thiện nhẹ. Thị trường chính thức quay trở lại vùng giao dịch 1,700 – 1,800. Trên đồ thị ngày xu hướng tăng cũng bị vi phạm khi đã thủng MA 20 và MA 50. Đa phần cũng do nhóm Vingroup có tác động tiêu cực đến thị trường.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư ngắn hạn nên ưu tiên nắm giữ với những mã đã tham gia và sẵn sàng bán khi đúng kế hoạch. Tạm thời ngừng mua mới và rất hạn chế dùng margin trong bối cảnh thanh khoản có xu hướng giảm khi cận tết. Với nhà đầu tư trung hạn, nhóm điện vẫn đang có động lượng tốt; và nhóm bất động sản đang ở vùng giá khá thấp.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi					Định giá		
		1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,760	-3.4	-2.7	7.6	-1.0		16.0	2.2	319
Upcom Index	126	-2.1	5.1	8.7	4.4		NA	2.1	25
HNX Index	256	0.0	3.9	-3.8	3.0		16.1	1.7	16
VN30 Index	1,949	-3.6	-4.9	4.6	-3.7		15.1	2.4	223
S&P 500 Index	6,798						27.2	5.4	60,501
STOXX Europe 600 Index	612	0.1	1.1	7.7	3.3		17.5	2.4	18,578
Hang Seng	26,589	-3.0	-0.5	0.3	3.7		13.6	1.4	4,065
Nikkei 225	54,254	1.7	3.3	6.6	7.8		22.8	2.7	5,892
SHCOMP Index	4,066							1.6	9,318
STI Index	4,940	0.7	4.2	10.1	6.3		15.4	1.6	583
KOSPI Index	5,089	-2.6	12.5	26.4	20.8		22.3	1.7	2,818

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

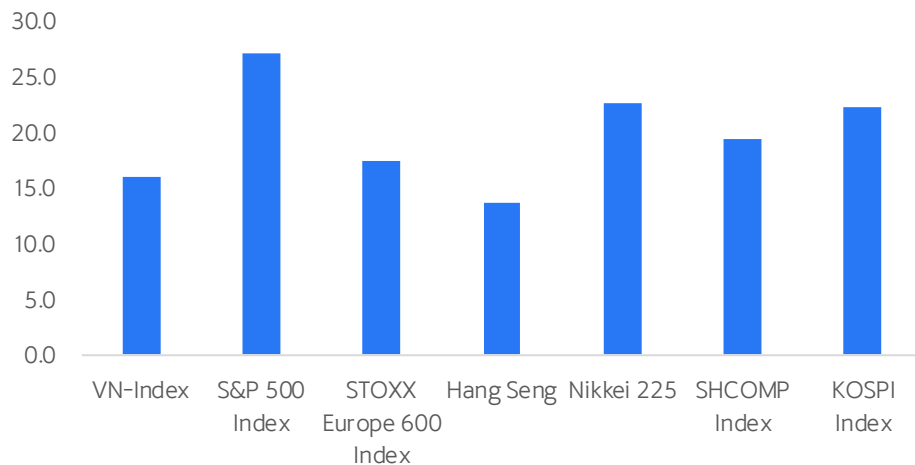


Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-4.0	-3.0	15.8	-1.3	1.7	-15.4	23.7	-13.8	44.4	-2.2	14.9	2.3	7,377,852
Mid Cap	-0.9	2.3	-0.6	2.3	9.6	-4.0	24.9	-3.0	31.7	0.8	13.9	1.3	530,756
Small Cap	-2.3	-3.7	-3.4	-3.8	13.2	-7.4	15.6	-7.2	23.9	1.4	14.0	0.7	65,272

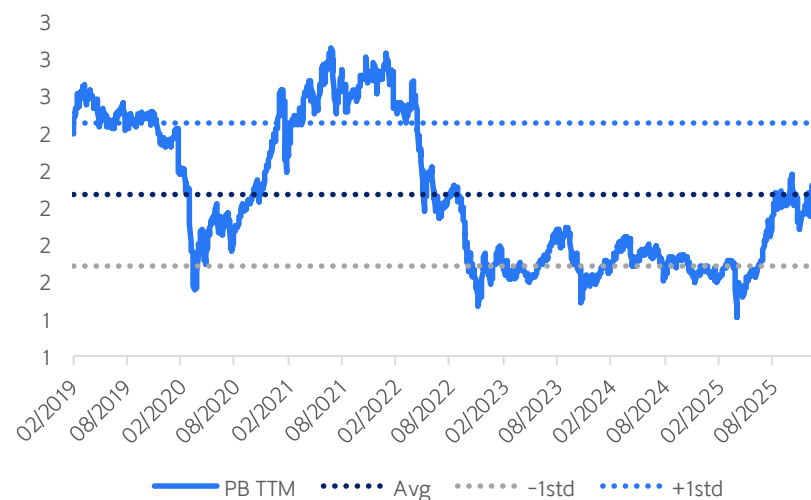
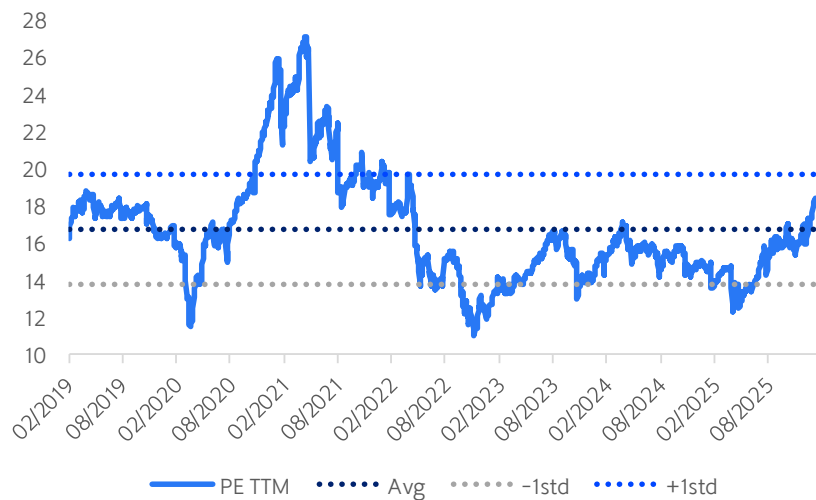
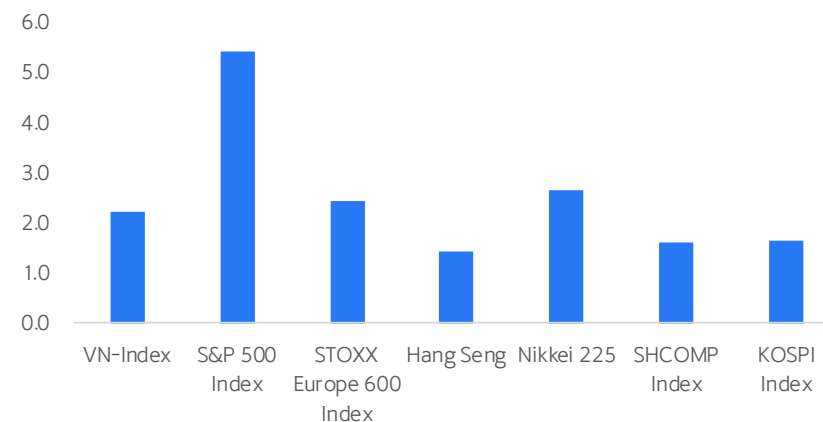
Theo ngành	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bảo hiểm	11.6	24.7	39.1	32.1	63.8	27.8	108.2	30.8	1.0	0.3	21.9	2.3	73,413
Dầu khí	4.9	43.0	59.1	49.2	-3.6	-10.2	110.4	-7.6	2.2	-0.2	64.4	2.6	214,289
Tài nguyên cơ bản	0.4	4.0	1.8	4.0	32.7	65.8	144.9	70.3	3.5	0.7	13.4	1.4	251,163
Hóa chất	-0.6	27.2	19.8	31.8	-6.6	-13.8	10.5	-13.0	4.9	-0.7	18.3	2.1	252,040
Xây dựng và vật liệu	-0.7	0.6	-2.7	1.1	4.8	-8.1	8.0	-7.9	11.5	-0.2	12.0	1.5	145,666
Dược và Y tế	-0.8	4.0	5.6	3.6	-0.4	-7.4	-11.8	-7.3	0.1	0.0	18.0	2.3	41,675
Tiện ích	-0.8	25.7	51.0	30.9	-11.3	-15.1	34.3	-13.0	5.6	-1.1	17.6	2.6	426,290
Ô tô & Phụ tùng	-1.1	-1.1	-2.4	-0.3	-10.9	-33.6	1.2	-33.5	2.6	-0.5	16.0	1.3	17,265
Truyền thông	-1.3	5.1	3.2	5.6	194.5	97.7	72.7	96.7	0.0	0.0	18.4	1.4	2,835
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-2.2	-7.7	3.0	-7.0	14.7	-19.6	-2.0	-19.7	14.3	0.0	17.0	2.3	246,183
Thực phẩm và đồ uống	-2.6	5.5	8.6	5.6	4.2	1.2	49.4	3.3	8.3	-0.2	16.0	2.7	461,873
Tài chính	-3.7	5.6	6.6	7.2	-19.1	-27.5	-4.7	-26.1	3.6	-1.2	16.2	1.8	385,319
Bán lẻ	-4.0	1.6	15.7	2.8	63.4	72.9	116.3	73.0	2.1	0.7	21.2	3.9	178,432
Ngân hàng	-4.2	4.7	9.2	6.3	6.2	-19.9	43.0	-17.7	8.8	-0.1	10.0	1.7	2,727,639
Công nghệ Thông tin	-5.6	4.3	1.9	3.3	4.0	6.0	60.1	8.3	4.8	-0.1	6.9	3.9	184,153
Bất động sản	-6.3	-22.8	16.3	-21.4	19.0	-9.3	9.0	-8.8	18.5	0.9	23.8	2.6	1,836,731
Du lịch và Giải trí	-6.5	-14.7	1.4	-13.2	25.3	17.9	11.4	16.9	5.6	0.8	25.3	4.8	327,399
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.7	7.4	13.6	7.6	-21.3	-20.3	60.7	-18.1	2.7	-1.0	11.3	1.7	63,774

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524.0	24,291.8	120,517.0
Ấn độ	834.8	834.8	-2,425.6	-2,425.6
Indonesia	-96.2	-124.0	-712.7	-712.7
Nhật Bản*	3,195.5	18,855.6	18,855.6	18,855.6
Mayaysia	-29.8	-29.8	229.3	229.3
Hàn Quốc	-5,279.6	-5,279.6	-4,835.5	-4,836.6
Sri Lanka	-8.7	-8.7	-30.7	-30.7
Đài Loan	-2,868.8	-2,868.8	-1,059.8	-1,059.8
Thái Lan	238.4	238.4	379.0	379.0
Việt Nam	-199.1	-199.1	-410.5	-410.5

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,705	-2.0	5.5	-69.6	-562.1
Nước ngoài	1,853	-2.0	18.5	-68.6	-433.0
VanEck Vectors Vietnam ETF	630	-3.7	36.0	44.4	-0.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	429	0.3	-24.7	-60.4	-382.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	363	1.4	9.4	6.2	-27.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	224	0.0	-2.2	-58.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	0.0	-0.7	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	852	0.0	-13.1	-1.0	-129.1
DCVFMVN Diamond ETF	547	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	236	0.0	-12.6	-2.2	-117.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	0.4	1.8	-2.8
MAFN VN30 ETF	34	0.0	-0.5	-1.0	-6.9
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	-0.1	0.2	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.0	-0.2	0.2	-0.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

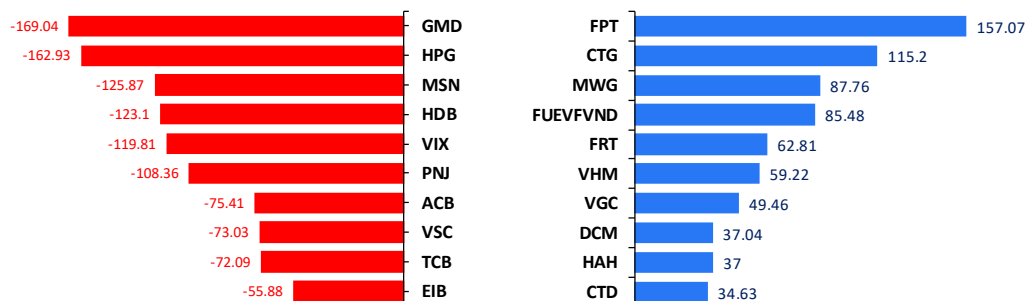
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

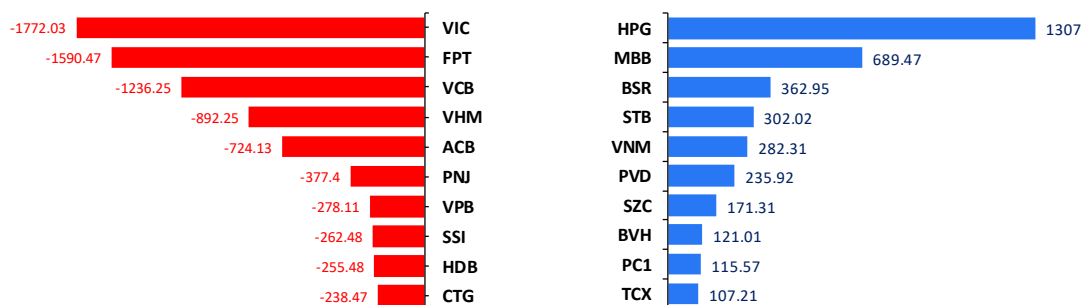
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

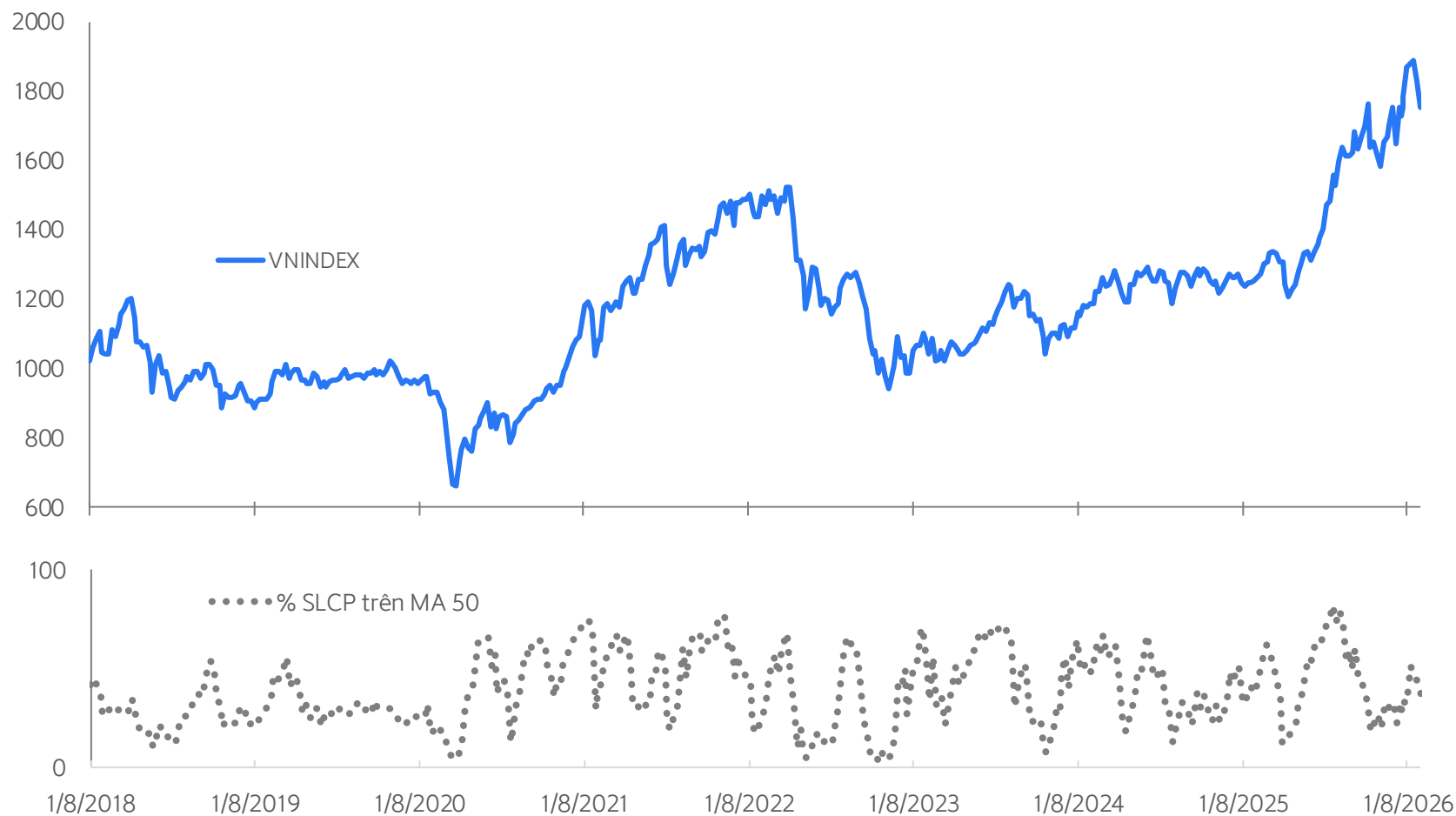
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	34	-3,232	1,475	1,757
Tài nguyên Cơ bản	-156	1,303	-674	-629
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-218	90	97	-187
Y tế	0	6	-6	0
Hóa chất	53	-67	-51	117
Dịch vụ tài chính	-12	-798	510	289
Du lịch và Giải trí	-24	-97	-38	135
Ngân hàng	-268	-2,005	635	1,371
Xây dựng và Vật liệu	103	25	-63	38
Thực phẩm và đồ uống	-84	352	-71	-281
Bán lẻ	147	-245	-25	269
Điện, nước & xăng dầu khí	-15	-15	96	-82
Hàng cá nhân & Gia dụng	-105	-382	177	205
Công nghệ Thông tin	170	-1,596	740	856
Ô tô và phụ tùng	8	8	4	-12
Bảo hiểm	-1	116	-72	-43
Dầu khí	-49	636	-356	-280
Tổng	-418	-5,901	2,377	3,524

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân tiêu dùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	34	Weak	Weak	DXG	32	Weak	Weak	BVH	64	Neutral	Neutral	HPG	49	Neutral	Neutral	GEX	34	Weak	Weak
MBB	57	Neutral	Strong	NVL	42	Weak	Weak	BMI	51	Too hot	Strong	NKG	42	Weak	Weak	VSC	58	Strong	Strong
HDB	40	Weak	Neutral	DIG	35	Weak	Weak	BIC	52	Weak	Neutral	HSG	43	Weak	Weak	PVT	54	Neutral	Strong
VPB	38	Weak	Weak	VRE	37	Weak	Weak	VIX	39	Weak	Weak	SMC	41	Weak	Weak	GMD	64	Strong	Strong
MSB	37	Weak	Weak	PDR	36	Weak	Weak	SSI	40	Weak	Neutral	CII	34	Weak	Weak	HAH	48	Neutral	Neutral
TCB	44	Weak	Neutral	VIC	37	Weak	Weak	VND	36	Weak	Weak	HHV	36	Weak	Weak	GEE	35	Weak	Weak
EIB	39	Weak	Weak	KDH	27	Weak	Weak	VCI	44	Neutral	Neutral	VCG	21	Weak	Weak	VOS	57	Strong	Strong
ACB	31	Weak	Weak	VHM	38	Weak	Weak	HCM	40	Weak	Weak	PCI	55	Neutral	Strong	APH	33	Weak	Weak
TPB	43	Weak	Neutral	TCH	35	Weak	Weak	TCX	63	Neutral	Strong	FCN	40	Weak	Weak	VTP	48	Neutral	Neutral
STB	55	Neutral	Strong	KBC	45	Weak	Neutral	ORS	43	Weak	Neutral	VGC	60	Strong	Strong	SBG	30	Weak	Weak
CTG	43	Weak	Neutral	HDG	42	Neutral	Weak	VDS	47	Neutral	Neutral	DPG	52	Neutral	Strong	REE	45	Neutral	Neutral
VIB	30	Weak	Weak	HDC	41	Neutral	Weak	FTS	41	Weak	Weak	CTD	54	Strong	Strong	PAC	45	Neutral	Neutral
SSB	32	Weak	Weak	NLG	36	Weak	Weak	CTS	34	Weak	Weak	CTR	46	Weak	Strong	TV2	63	Strong	Strong
VCB	43	Weak	Strong	DXS	25	Weak	Weak	BSI	39	Weak	Weak	HT1	45	Weak	Neutral	TCM	40	Weak	Neutral
NAB	34	Weak	Neutral	NTL	39	Weak	Weak	TCI	38	Neutral	Weak	CTI	49	Neutral	Neutral	TLG	49	Neutral	Neutral
OCB	34	Neutral	Weak	SIP	58	Strong	Strong	TVB	42	Neutral	Neutral	BMP	36	Weak	Weak	PNJ	47	Weak	Strong
BID	57	Neutral	Strong	SZC	65	Too hot	Strong	DSE	44	Weak	Neutral					MSH	56	Strong	Strong
LPB	47	Neutral	Weak	BCM	43	Weak	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	43	Weak	Neutral	PVD	66	Too hot	Strong	MSN	44	Neutral	Neutral	YEG	48	Neutral	Neutral	VPL	36	Weak	Weak
SAM	38	Neutral	Weak	BSR	77	Too hot	Strong	VNM	54	Neutral	Strong	DCL	83	Too hot	Strong	VJC	35	Weak	Weak
ELC	42	Weak	Neutral	PLX	63	Strong	Strong	DBC	44	Weak	Neutral	DBD	61	Neutral	Strong	HAV	42	Weak	Weak
CMG	46	Weak	Neutral	POW	47	Weak	Neutral	BAF	58	Neutral	Strong	TNH	46	Neutral	Neutral	SCS	46	Neutral	Neutral
MWG	52	Neutral	Neutral	NT2	64	Neutral	Strong	SAB	46	Neutral	Neutral	JVC	39	Weak	Weak	VNG	37	Weak	Weak
DGW	67	Too hot	Strong	GAS	65	Strong	Strong	ANV	49	Neutral	Neutral					HAX	55	Neutral	Strong
PET	47	Weak	Neutral	GEG	45	Neutral	Neutral	VHC	47	Weak	Strong					DRC	46	Neutral	Neutral
FRT	53	Neutral	Strong	PPC	53	Neutral	Neutral	MCH	22	Weak									

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	FPT	104.5	112	96	7.2%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
2	PHR	64.3	74	NA	15.1%	Kì vọng tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi việc chuyển đổi đất cao su sang khu công nghiệp. Giá và thanh khoản có dấu hiệu cải thiện rõ nét trên MA 50
3	DCM	36.6	NA	36	NA	Kì vọng bật tăng tại hỗ trợ mở ra cơ hội mua mới. Nhóm ngành phân bón được hưởng lợi nhờ chính sách thuế VAT đầu ra và giá phân bón kì vọng neo cao

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HID	Xây dựng và Vật liệu	2.33 - 11.90	5.0	-17.2%
2	DLG	Tài nguyên Cơ bản	1.74 - 3.79	3.0	-14.6%
3	PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	62.80 - 127.00	108.9	-14.3%
4	BMC	Tài nguyên Cơ bản	14.30 - 33.30	15.4	-13.8%
5	SMC	Tài nguyên Cơ bản	5.70 - 16.90	12.8	-11.4%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
26.0%	18.0	8.42 - 19.80	Bất động sản	TN1
14.6%	80.0	39.10 - 84.50	Bảo hiểm	BVH
14.0%	54.4	32.65 - 55.40	Hóa chất	BFC
13.2%	91.5	52.80 - 92.60	Ô tô và phụ tùng	VVS
12.5%	54.4	11.25 - 110.30	Hóa chất	DTT

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BKC	Tài nguyên Cơ bản	15.00 - 51.30	23.8	-24.4%
2	HGM	Tài nguyên Cơ bản	194.80 - 419.00	195.0	-22.0%
3	CTT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.30 - 29.80	17.4	-20.5%
4	ADC	Truyền thông	17.90 - 25.10	18.8	-19.7%
5	SHN	Tài nguyên Cơ bản	3.60 - 7.40	3.8	-19.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.5%	12.1	8.10 - 12.80	Tài nguyên Cơ bản	KMT
22.0%	73.2	59.90 - 81.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PHN
19.4%	43.0	28.90 - 48.10	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	GDW
19.0%	30.7	17.10 - 37.60	Hàng cá nhân & Gia dụng	GLT
16.3%	82.0	39.40 - 95.00	Bất động sản	KSF

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CCS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.00 - 32.80	15.1	-38.1%
2	DCV	Dịch vụ tài chính	95.20 - 290.40	189.0	-30.0%
3	KCB	Tài nguyên Cơ bản	9.60 - 32.20	12.3	-25.0%
4	TNW	Tiêu dùng không thiết yếu	10.30 - 14.90	11.2	-24.8%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	68.37 - 314.20	166.0	-22.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
62.3%	22.4	11.10 - 22.40	Du lịch và Giải trí	HOT
57.8%	7.1	4.00 - 8.00	Tài nguyên Cơ bản	TTS
41.0%	16.5	10.70 - 18.50	Hóa chất	HNP
34.3%	4.7	3.40 - 5.80	Xây dựng và Vật liệu	DCR
33.9%	34.4	16.60 - 40.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DNL

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5,249.6	2,259.7	44.1	3.65 - 5.73	7.3
2	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	18,998.4	333.2	54.4	32.65 - 55.40	14.0
3	MSH	Máy Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	59,689.1	326.9	37.7	25.17 - 41.87	5.0
4	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30,906.9	311.6	38.4	27.30 - 43.70	10.2
5	SZC	Sonadezi Châu Đức	Bất động sản	89,037.5	277.8	35.5	27.70 - 47.20	10.2
6	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4,019.0	240.5	23.9	16.25 - 114.20	1.5
7	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	21,196.8	221.6	51.6	38.95 - 63.45	0.2
8	DHC	Đồng Hải Bến Tre	Tài nguyên Cơ bản	57,048.4	216.7	37.1	19.88 - 41.65	1.2
9	CTI	Cường Thuận IDICO	Xây dựng và Vật liệu	27,198.1	195.9	23.7	17.20 - 28.95	-1.5
10	GIL	XNK Bình Thạnh	Hàng cá nhân & Gia dụng	6,062.9	168.6	14.1	13.20 - 21.75	3.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

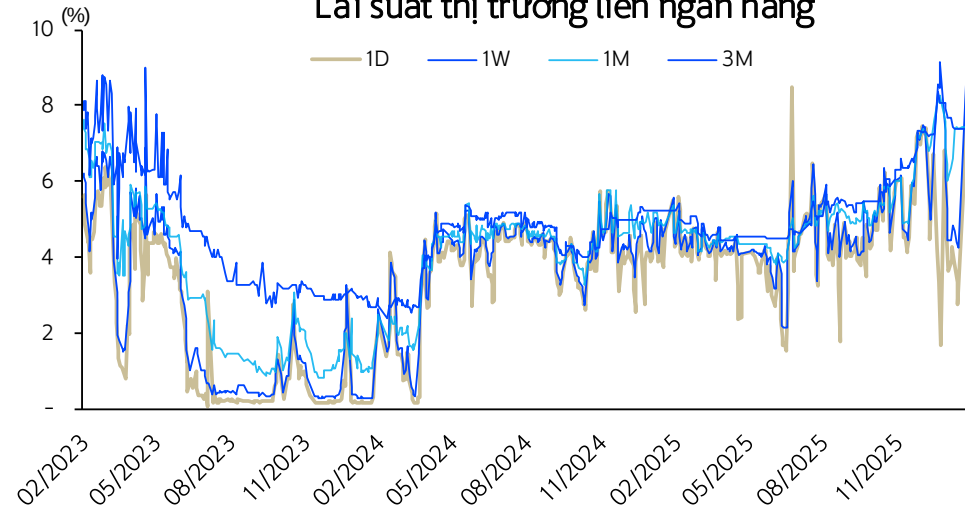
		Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dollar index	97.80	0.8	-0.8	-1.9	-0.5	
	VND/USD	25,970	0.1	-1.2	-1.3	-1.2	
	KRW/USD	1,468.60	1.9	1.5	1.3	2.0	
	JPY/USD	156.76	1.3	0.1	2.4	0.0	
	EUR/USD	0.85	0.5	-0.9	-2.1	-0.4	
	SGD/USD	1.27	0.3	-0.5	-2.3	-0.9	
	CNY/USD	6.94	-0.2	-0.6	-2.5	-0.7	

Hàng hóa

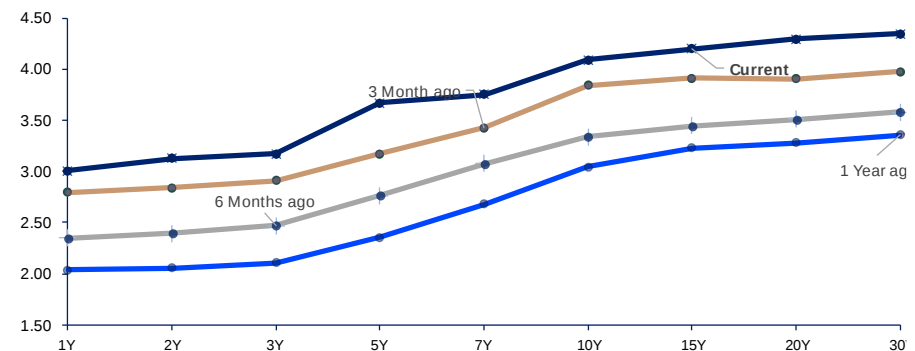
		Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dầu thô	64.21	-1.5	12.4	8.0	11.8	
	Xăng	195.15	1.5	14.8	-0.7	14.4	
	Gas	3.47	-20.3	3.6	-20.3	-5.8	
	Than	116.00	6.8	9.2	5.5	7.9	
	Vàng	4,853.79	-0.8	8.0	22.0	12.4	
	Bạc	72.80	-14.6	-10.4	51.5	1.6	
	Platinum	1,973.29	-10.1	-19.3	28.9	-4.2	
	Quặng sắt	101.03	-4.5	-4.8	-3.5	-5.7	
	Thép cán	3,264.00	-0.5	0.3	-1.0	-0.2	
	Lúa mì	532.75	-1.0	4.4	-0.5	5.1	
	Ngô	433.75	1.3	-2.3	1.2	-1.5	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.00	3.13	3.17	3.67	3.75	4.09	4.20	3.91	3.45
Thay đổi (WoW)	0.80	0.80	0.80	5.80	4.70	3.00	0.80	-0.40	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.